

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG WEB

**Thái Duy Quý
ITFacDLU – quytd@dlu.edu.vn**

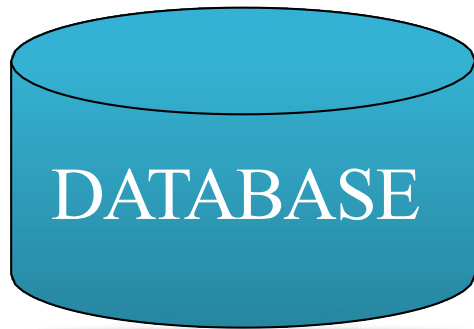
Phần 6. PHP và My SQL



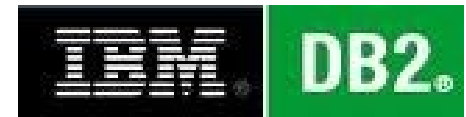
1. Giới thiệu
2. Các vấn đề cơ bản về DBMS MySQL
3. PHP và các thao tác cơ bản với DBMS MySQL
4. Các vấn đề lưu ý trong xử lý CSDL



MODELs FOR STORING DATA



DBMSs?





2/ Các vấn đề cơ bản về DBMS MySQL



1. Giới thiệu
2. Data types
3. Databases
4. Tables
5. Manipulations
6. Retrieving

❖ DBMS MySQL:

- MySQL là một hệ quản trị cơ sở dữ liệu nguồn mở
Ref: <http://dev.mysql.com/doc/>
- Sử dụng MySQL:





2/ Các vấn đề cơ bản về DBMS MySQL



1. Giới thiệu
2. Data types
3. Databases
4. Tables
5. Manipulations
6. Retrieving

❖ Data types:

Data types	Meaning
int or integer	Signed integer number, 32 bits in length
smallint	Signed integer number, 16 bits in length
real	Signed floating-point number, 32 bits in length
float	Signed floating-point number, 64 bits in length
char	Fixed-length character string
varchar	Variable-length character string



2/ Các vấn đề cơ bản về DBMS MySQL



1. Giới thiệu
2. Data types
3. Databases
4. Tables
5. Manipulations
6. Retrieving

❖ Databases

```
CREATE DATABASE <dbname>  
CREATE SCHEMA <dbname>
```

❖ Tables

```
CREATE TABLE <tablename> (  
  <col1name> <col1type> [<col1attributes>],  
  [...  
  <colnname> <colntype> [<colnattributes>]]  
)
```

➤ Lưu ý

- ✓ Khóa chính
- ✓ Khóa ngoại
- ✓ Các thao tác chỉnh sửa cấu trúc bảng: thêm, xóa, sửa, ...



2/ Các vấn đề cơ bản về DBMS MySQL



1. Giới thiệu
2. Data types
3. Databases
4. Tables
5. Manipulations
6. Retrieving

❖ Manipulations (ADD)

```
INSERT INTO <tablename> VALUES (<field1value>[, ..., <fieldnvalue>])
```

```
INSERT INTO <tablename>(<field1>[, ..., <fieldn>])  
VALUES  
(<field1value>[, ..., <fieldnvalue>])
```

❖ Manipulations (DELETE)

```
DELETE FROM <tablename>;
```

```
DELETE FROM <tablename> WHERE <conditions>;
```

❖ Manipulations (UPDATE)

```
UPDATE <tablename> SET field = value;
```

```
UPDATE <tablename>  
SET field1 = value1,..., fieldn = valuen  
WHERE <conditions>;
```




2/ Các vấn đề cơ bản về DBMS MySQL



1. Giới thiệu
2. Data types
3. Databases
4. Tables
5. Manipulations
6. Retrieving

❖ Retrieving

```
SELECT < *, [field1value]>[, ..., <fieldnvalue>]  
FROM <tablename>  
  
[  
WHERE <conditions>  
GROUP BY < field1value>[, ..., <fieldnvalue>]  
HAVING <conditions>  
ORDER BY <field1value>[, ..., <fieldnvalue>]  
]
```



3/ PHP và các thao tác cơ bản với DBMS MySQL



a. Giới thiệu:



❖ Các đối tượng liên quan:

- mysqli
- connect_error
- query
- mysqli_fetch_array
- ...



3/ PHP và các thao tác cơ bản với DBMS MySQL



a. Giới thiệu:

- ❖ MySQL là một phần mềm quản trị CSDL mã nguồn mở, miễn phí nằm trong nhóm LAMP (Linux – Apache – MySQL – PHP)
- ❖ MySQLi được cải thiện từ MySQL để tận dụng lợi thế của các tính năng mới trong các hệ thống MySQL phiên bản mới hơn 4.1.3:
 - Giao diện hướng đối tượng
 - Hỗ trợ sử dụng báo cáo
 - Cải tiến khả năng tìm lỗi và khắc phục.
 - Hỗ trợ và nhúng vào server để sử dụng.





b. Các bước thao tác CSDL trong PHP:

- **Bước 1**: Kết nối với CSDL
- **Bước 2**: Xây dựng câu truy vấn dữ liệu
- **Bước 3**: Thực thi câu truy vấn
- **Bước 4**: Xử lý kết quả
- **Bước 5**: Ngắt kết nối với CSDL



3/ PHP và các thao tác cơ bản với DBMS MySQL



1. Bước 1
2. Bước 2
3. Bước 3
4. Bước 4
5. Bước 5

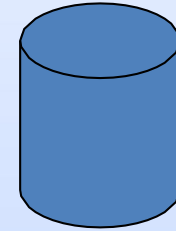
❖ Bước 1 (Kết nối với CSDL)



PHP Pages

Connection

Connected



Database

- Kết nối MySQL và chọn CSDL

```
// Create connection
$conn = new mysqli($servername, $username, $password, $dbname);
// Check connection
if ($conn->connect_error) {
    die("Connection failed: " . $conn->connect_error);
}
else echo "Connection succeeded";
```



3/ PHP và các thao tác cơ bản với DBMS MySQL



1. **Bước 1**

2. **Bước 2**

3. **Bước 3**

4. **Bước 4**

5. **Bước 5**

❖ Bước 1 (Kết nối với CSDL)

▪ Ví dụ

```
<?php
$servername = "localhost";
$username = "root";
$password = "";
$dbname = "mydb";

// Create connection
$conn = new mysqli($servername, $username, $password, $dbname);
// Check connection
if ($conn->connect_error) {
    die("Connection failed: " . $conn->connect_error);
}
else echo "Connection succeeded";
?>
```



3/ PHP và các thao tác cơ bản với DBMS MySQL



1. Bước 1
2. **Bước 2**
3. Bước 3
4. Bước 4
5. Bước 5

❖ Bước 2 (Xây dựng câu truy vấn)

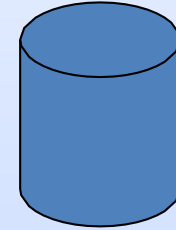


PHP Pages



SQL

Result



Database

SQL	Ví dụ
INSERT	<code>\$strSQL = "INSERT INTO Users(UserName, Password) VALUES ('admin','123')"</code>
DELETE	<code>\$strSQL = "DELETE FROM Users WHERE UserName = 'lvminh' "</code>
UPDATE	<code>\$strSQL = "UPDATE Users SET Password = 'abc' WHERE UserName = 'admin' "</code>
SELECT	<code>\$strSQL = "SELECT * FROM Users WHERE UserName = 'admin' "</code>



3/ PHP và các thao tác cơ bản với DBMS MySQL

php

1. Bước 1
2. Bước 2
3. **Bước 3**
4. Bước 4
5. Bước 5

❖ Bước 3 (Thực thi câu truy vấn)

▪ Kết nối và tạo DB

```
<?php
$con = new mysqli("localhost","root","");
$query = "create database std";
$crdb = $con->query($query);
if($crdb)
{
    echo "Database created successfully";
}
else {
    echo "Error creating database: ".$con->error ;
}
?>
```

▪ Xóa DB

```
$query = "drop database std";
```




3/ PHP và các thao tác cơ bản với DBMS MySQL

php

1. Bước 1
2. Bước 2
3. **Bước 3**
4. Bước 4
5. Bước 5

❖ Bước 3 (Thực thi câu truy vấn)

▪ Kết nối và tạo table

```
<?php
$db = 'std';
$con = new mysqli("localhost","root","", $db);
$query = "create table computer(id INT not null,
                                name varchar(50),branch varchar(50))";

$crtb = $con->query($query);
if(!$crtb)
{
    die("Table not created: ".$con->error);
}
echo "table created.. !."</br>";
?>
```

▪ Xóa table

```
$query = "drop table computer";
```



3/ PHP và các thao tác cơ bản với DBMS MySQL



1. Bước 1
2. Bước 2
3. **Bước 3**
4. Bước 4
5. Bước 5

❖ Bước 3 (Thực thi câu truy vấn)

▪ Thêm dữ liệu

```
<?php
    include 'connectanduse.php';
    $query = "insert into computer
values(7009,'Anil J Basantani','Sadhana colony Jamnagar')";
    $insrtb = $con->query($query);
    if(!$insrtb)
    {
        die("Record not inserted:".$con->error);
    }
    echo "Record inserted successfully. . .!."</br>";
?>
```



3/ PHP và các thao tác cơ bản với DBMS MySQL

php

1. Bước 1
2. Bước 2
3. **Bước 3**
4. Bước 4
5. Bước 5

❖ Bước 3 (Thực thi câu truy vấn)

▪ Sửa dữ liệu

```
<?php
    include 'connectanduse.php';
    $query = "update computer
               set id = 09, name = 'Thai Quy Quy'
               where id = 7009";

    $crtb = $con->query($query);
    if(!$crtb)
    {
        die("Table not updated. .!". $con->error);
    }
    echo "Table updated.. !". "</br>";
```

```
?>
```



3/ PHP và các thao tác cơ bản với DBMS MySQL



1. Bước 1
2. Bước 2
3. **Bước 3**
4. Bước 4
5. Bước 5

❖ Bước 3 (Thực thi câu truy vấn)

▪ Xóa dữ liệu

```
<?php
    include 'connectanduse.php';
    $query = "delete from computer where id = 9";
    $crtb = $con->query($query);
    if(!$crtb)
    {
        die("Record not delete. .!".$con->error);
    }
    echo "Record deleted!."<br>";
?>
```



3/ PHP và các thao tác cơ bản với DBMS MySQL

php

1. Bước 1
2. Bước 2
3. Bước 3
4. **Bước 4**
5. Bước 5

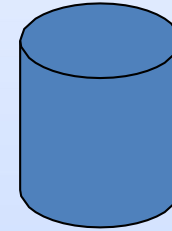
❖ Bước 4 (Xử lý kết quả)



PHP Pages



Result



Database

■ Hiển thị dữ liệu trả về

- Lệnh lấy dữ liệu:

```
select * from User
```

- Sử dụng hàm

```
$row = mysqli_fetch_array($result)
```

- Số lượng FIELD

```
$num = mysqli_num_fields($result);
```

- Truy cập đến từng FIELD

```
echo $row["Username"];
```

Hoặc

```
echo $row[0];
```

UserName	Password
A	AA
B	BB
C	CC
D	DD
...	...
X	XX
Y	YY
Z	ZZ



3/ PHP và các thao tác cơ bản với DBMS MySQL

php

1. Bước 1

2. Bước 2

3. Bước 3

4. **Bước 4**

5. Bước 5

❖ Bước 4 (Xử lý kết quả - ví dụ)

```
include 'connectanduse.php';
$query = "select * from computer";
$result = $con->query($query);
$str = "<table border='1'>
    <tr>
        <th>ID</th>
        <th>Name</th>
        <th>Branch</th>
    </tr>";
echo $str;
```

```
while($row = mysqli_fetch_array($result))
{
    echo "<tr>";
    echo "<td>".$row['id']."</td>";
    echo "<td>".$row['name']."</td>";
    echo "<td>".$row['branch']."</td>";
    echo "</tr>";
}
echo "</table>";
```



3/ PHP và các thao tác cơ bản với DBMS MySQL

php

1. Bước 1
2. Bước 2
3. Bước 3
4. Bước 4
5. Bước 5

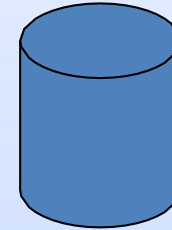
❖ Bước 5 (Ngắt kết nối với CSDL)



PHP Pages



Result



Database

- Tự động thực thi khi kết thúc mã lệnh nhờ cơ chế tự động thu rác (garbage collector)

bool **mysqli_close**(resource connection);

- Ví dụ

```
<?php
$db = 'std';
$con = new mysqli("localhost","root","", $db);
mysqli_close($con)
?>
```



3/ PHP và các thao tác cơ bản với DBMS MySQL



c. Ví dụ xây dựng đối tượng xử lý các bước thao tác CSDL:

```
class MySQLHelper{  
    private $server;  
    private $username;  
    private $password;  
    private $conn;  
    function __construct($server="localhost",$user="root",$pass="")  
    {  
        $this->server=$server;  
        $this->username=$user;  
        $this->password=$pass;  
    }  
}
```




3/ PHP và các thao tác cơ bản với DBMS MySQL



c. Ví dụ xây dựng đối tượng xử lý các bước thao tác CSDL:

```
public function OpenDB($myDB){
    $this->conn = new mysqli($this->server,
                            $this->username,
                            $this->password,
                            $myDB
                            );
    if ($this->conn->connect_error){
        die("Connection fail: ".$this->conn->connect_error);
    }
}
public function CloseDB(){
    mysqli_close($this->conn);
}
```



3/ PHP và các thao tác cơ bản với DBMS MySQL



c. Ví dụ xây dựng đối tượng xử lý các bước thao tác CSDL:

```
public function QueryScalar($query){  
    $result = $this->conn->query($query);  
    return $result;  
}  
public function GetAll($table){  
    $query = "select * from ".$table;  
    $result = $this->conn->query($query);  
    return $result;  
}
```



3/ PHP và các thao tác cơ bản với DBMS MySQL



c. Ví dụ xây dựng đối tượng xử lý các bước thao tác CSDL:

```
include 'mysqlhelper.php';
$mysql = new MySQLHelper("localhost","root","");
$mysql->OpenDB("std");
$sldt = $mysql->GetAll("computer");
while($row = mysqli_fetch_array($sldt))
{
    echo "<tr>";
    echo "<td>".$row['id']."</td>";
    echo "<td>".$row['name']."</td>";
    echo "<td>".$row['branch']."</td>";
    echo "<td></td>";
    echo "</tr>";
}
```



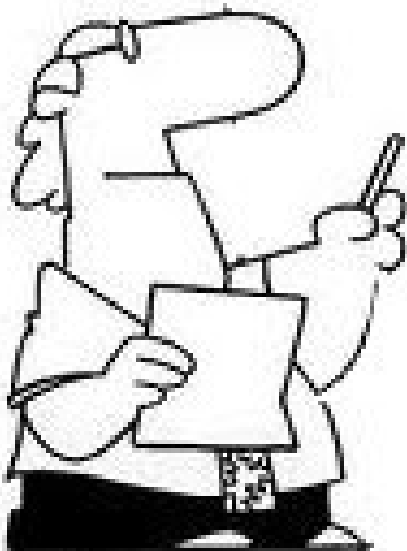
```
include 'mysqlhelper.php';  
$mysql = new MySQLHelper("localhost", 'root', "");  
$mysql->OpenDB("std");  
$query = "insert into computer  
values(7009, 'Anil J Basantani', 'Sadhana colony Jamnagar')";  
$mysql->QueryScalar($query);  
$mysql ->CloseDB();
```



Thank you !

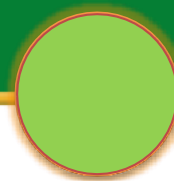


PHẦN THẢO LUẬN



- **Họ tên:**
- **Mã SV:**
- **Lớp:**
- **Khoá:**
- **Email:**

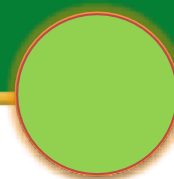
	01	02	...	19	20
A					
B					
C					
D					



Câu 1: Câu truy vấn nào sau đây gây ra lỗi:

- A. `SELECT column1, column2, column2 FROM tablename;`
- B. `SELECT * FROM tablename WHERE columnname LIKE %keyword%;`
- C. `SELECT * FROM tablename WHERE column1 LIKE 'keyword' AND column2 LIKE 'keyword';`
- D. `SELECT DISTINCT column1 FROM tablename ORDER BY column1;`

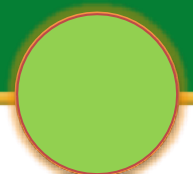




Câu 2: Chọn phát biểu sai:

- A. Ký hiệu "=" là một phép gán giá trị trong mệnh đề where
- B. INT là một kiểu dữ liệu trong DBMS MySQL
- C. Có thể thêm thuộc tính cho một bảng khi bảng đó đã chứa dữ liệu
- D. Các từ khóa trong câu truy vấn của DBMS MySQL không phân biệt chữ hoa hay chữ thường.





Câu 3: Cho bảng employees và các bộ giá trị như sau:

empid name managerid

a1 bob NULL

b1 jim a1

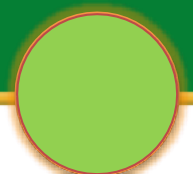
B2 tom a1

Chọn phát biểu đúng từ câu truy vấn sau

`select count(managerid) from employees`

- A. Câu truy vấn trả về 3
- B. Câu truy vấn trả về 2
- C. Câu truy vấn trả về 1
- D. Câu truy vấn thông báo lỗi do thuộc tính managerid có chứa giá trị null.





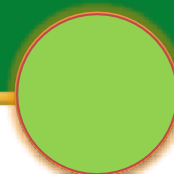
Câu 4: Chọn lệnh cần điền cho từ **key**: CREATE TABLE tbPRODUCT_1 **key**

- A. SELECT * FROM tbPRODUCT_1;
- B. (tbPRODUCT_1 varchar(20));
- C. SELECT * FROM tbPRODUCT_2;
- D. Tất cả đều sai





PHẦN BÀI TẬP



Câu 5: Chọn biết kết quả của câu truy vấn từ bảng tblPRODUCT sau:

	productid	productname	price
tblPRODUCT	bo01	china book	1500
	pe01	china pencil	3500

```
select count(*)from tblPRODUCT  
where productid='bo01' and productid='pe01';
```

- A. 1
- B. 2
- C. Câu lệnh thực thi báo lỗi
- D. Câu lệnh thực thi nhưng không trả về kết quả





PHẦN THẢO LUẬN



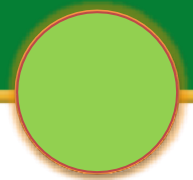
- **Họ tên:**
- **Mã SV:**
- **Lớp:**
- **Khoá:**
- **Email:**

	01	02	...	19	20
A					
B					
C					
D					





PHẦN BÀI TẬP



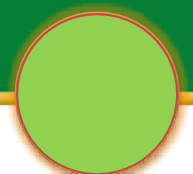
Câu 1: Chọn phát biểu đúng thay cho câu lệnh chứa từ **key** ở dòng 1 (giả sử: server chạy cục bộ localhost, user và password của MySQL: root và pass):

<?php

```
1. key  
2. mysql_select_db('db',$conn);  
3. if (!mysql_ping ($conn)) {  
4.mysql_close($conn); 5.  
}
```

?>

- A. \$conn = mysql_connect('localhost','root','pass');
- B. \$conn = mysql_connect('root','pass','localhost');
- C. \$conn = mysql_connect('root','pass');
- D. Tất cả đều đúng



Câu 2: Cho cấu trúc bảng tblProduct thuộc database 'db_php_mysql' như sau

```
CREATE TABLE tblPRODUCT(  
    ProdID varchar(50) primary key,  
    ProdName varchar(50)  
);
```

Chọn phát biểu đúng sau khi thực thi đoạn lệnh sau (giả sử server chạy cục bộ localhost, user của MySQL là root và không đặt password):

```
<?php
```

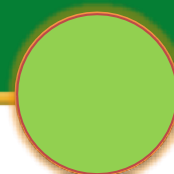
1. \$db = mysql_connect('localhost','root','') or die("Database error");
2. mysql_select_db('db_php_mysql', \$db);
3. \$query = "insert into tblProduct values('p01','book')";
4. \$result = mysql_query(\$query);
5. \$query = "insert into tblProduct values('p01','pen')";
6. \$result = mysql_query(\$query);

```
?>
```

- A. Bảng tblProduct được chèn thêm 2 bộ dữ liệu ('p01','book') và ('p01','pen') Đoạn
- B. lệnh thông báo lỗi "Database error"
- C. Bảng tblProduct được chèn thêm 1 bộ dữ liệu ('p01','book ') Tất cả đều
- D. sai



PHẦN BÀI TẬP



Câu 3: Cho cấu trúc bảng tblAccount thuộc database 'db_php_mysql' như sau

```
CREATE TABLE tblACCOUNT(  
    UserName varchar(50) primary key,  
    Password varchar(50)  
);
```

Chọn phát biểu đúng sau khi thực thi đoạn lệnh sau (giả sử server chạy cục bộ localhost, user của MySQL là root và không đặt password):

```
<?php
```

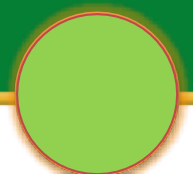
1. \$db = mysql_connect('localhost','root','') or die("Database error");
2. mysql_select_db('db_php_mysql', \$db);
3. \$query = "insert into tblAccount values('abc','pass')";
4. \$query = "insert into tblAccount values('abc','123')";
5. \$result = mysql_query(\$query);

```
?>
```

- A. Bảng tblAccount được thêm 2 bộ dữ liệu ('abc','pass') và ('abc','123')
- B. Bảng tblAccount được thêm 1 bộ dữ liệu ('abc','123')
- C. Đoạn lệnh thông báo lỗi "Database error"
- D. Đoạn lệnh báo lỗi dòng 4 do trùng khóa 'abc'



PHẦN BÀI TẬP



Câu 4: Cho cấu trúc và dữ liệu bảng tblAccount thuộc database 'db_php_mysql' như sau

```
CREATE TABLE tblACCOUNT(  
    UserName varchar(50) primary key,  
    Password varchar(50)  
);
```

UserName	Password
abc	12
def	34

Chọn câu truy vấn thay cho từ **key** để xuất ra kết quả là '46' (giả sử server chạy ở localhost, user của MySQL là root và không đặt password):

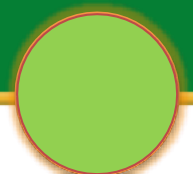
<?php

1. \$db = mysql_connect('localhost','root','') or die("Database error");
2. mysql_select_db('db_php_mysql', \$db);
3. \$query = **key**
4. \$result = mysql_query(\$query);
5. \$row = mysql_fetch_row(\$result);
6. echo \$row[0];

- ?>
- A. "select password from tblaccount";
 - B. "select password("abc")+password("def") from tblaccount";
 - C. "select count(password) from tblaccount";
 - D. "select sum(password) from tblaccount";



PHẦN BÀI TẬP



Câu 5: Cho cấu trúc và dữ liệu bảng tblAccount thuộc database 'db_php_mysql' như sau

```
CREATE TABLE tblPRODUCT(  
    ProdID varchar(50) primary key,  
    ProdName varchar(50),  
    Price float  
);
```

ProdID	ProcName	Price
P01	Book	1500
P02	Pen	500

Chọn câu lệnh thay cho từ **key** để xuất ra kết quả là '1500' (giả sử server chạy ở localhost, user của MySQL là root và không đặt password):

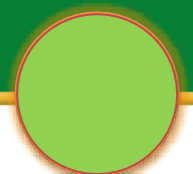
<?php

1. \$db = mysql_connect('localhost','root','') or die("Database error");
2. mysql_select_db('db_php_mysql', \$db);
3. \$rs = mysql_query("SELECT * FROM tblPRODUCT");
4. \$row = mysql_fetch_assoc(\$rs);

5. **key**

?>

- A. echo \$row[2];
- B. echo \$row["Price"];
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai



Câu 6: Cho cấu trúc và dữ liệu bảng tblAccount thuộc database 'db_php_mysql' như sau

```
CREATE TABLE tblACCOUNT(  
    UserName varchar(50) primary key,  
    Password varchar(50)  
);
```

UserName	Password
abc	12
def	34

Cho biết kết quả của đoạn lệnh sau (giả sử: server chạy ở localhost, user của MySQL là root và không đặt password):

```
<?php
```

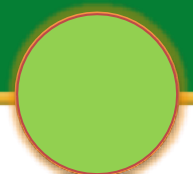
1. \$db = mysql_connect('localhost','root','') or die("Database error");
2. mysql_select_db('db_php_mysql', \$db);
3. \$query = "update tblAccount set password='12'";
4. \$result = mysql_query(\$query);
5. \$query = "select sum(password) from tblaccount";
6. \$row = mysql_fetch_row(\$result);
7. echo \$row[0];

```
?>
```

- A. Đoạn lệnh xuất kết quả là 24
- B. Đoạn lệnh thông báo lỗi Fatal error
- C. Đoạn lệnh xuất cảnh báo Warning Tất cả
- D. đều sai



PHẦN BÀI TẬP



Câu 7: Cho cấu trúc và dữ liệu bảng tblAccount thuộc database 'db_php_mysql' như sau

```
CREATE TABLE tblPRODUCT(  
    ProdID varchar(50) primary key,  
    ProdName varchar(50),  
    Price float  
);
```

ProdID	ProcName	Price
P01	Book	1500
P02	Pen	500

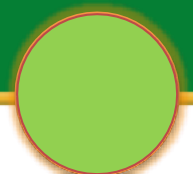
Cho biết kết quả của đoạn lệnh sau (giả sử server chạy ở localhost, user của MySQL là root và không đặt password):

```
<?php
```

1. \$db = mysql_connect('localhost','root','') or die("Database error");
2. mysql_select_db('db_php_mysql', \$db);
3. \$rs = mysql_query("SELECT count(*) FROM tblPRODUCT ");
4. if(\$rs) {echo mysql_num_rows(\$rs);}

```
?>
```

- A. Đoạn lệnh xuất kết quả là 1
- B. Đoạn lệnh xuất kết quả là 2
- C. Đoạn lệnh thông báo lỗi dòng 4
- D. Tất cả đều sai



Câu 8: Cho cấu trúc và dữ liệu bảng tblAccount thuộc database 'db_php_mysql' như sau

```
CREATE TABLE tblPRODUCT(  
    ProdID varchar(50) primary key,  
    ProdName varchar(50),  
    Price float  
);
```

ProdID	ProcName	Price
P01	Book	1500
P02	Pen	500

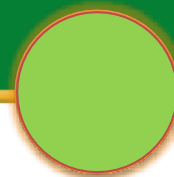
Chọn câu lệnh thay cho từ **k1** và **k2** để xuất kết quả là '500' (giả sử server chạy ở localhost, user của MySQL là root và không đặt password):

<?php

1. \$db = mysql_connect('localhost','root','') or die("Database error");
 2. mysql_select_db('db_php_mysql', \$db);
 3. \$rs = mysql_query(**k1**);
 4. \$row = mysql_fetch_row(\$rs);
 5. **k2**
 6. ?>
- A. k1 = "SELECT * FROM tblPRODUCT WHERE ProdID='p02'" và k2 = "echo \$row[0];"
- B. k1 = "SELECT * FROM tblPRODUCT WHERE ProdID='p02'" và k2 = "echo \$row['Price'];"
- C. k1 = "SELECT * FROM tblPRODUCT" và k2 = "echo \$row[2];"
- D. k1 = "SELECT * FROM tblPRODUCT WHERE ProdID='p02'" và k2 = "echo \$row[2];"



PHẦN BÀI TẬP



Câu 9: Cho cấu trúc và dữ liệu bảng tblAccount thuộc database 'db_php_mysql' như sau

```
CREATE TABLE tblACCOUNT(  
    UserName varchar(50) primary key,  
    Password varchar(50)  
);
```

UserName	Password
abc	12
def	34

Cho biết kết quả của đoạn lệnh sau (giả sử: server chạy ở localhost, user của MySQL là root và không đặt password):

```
<?php
```

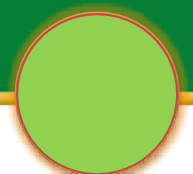
1. \$db = mysql_connect('localhost','root','') or die("Database error");
2. mysql_select_db('db_php_mysql', \$db);
3. \$query = "DESCRIBE tblAccount";
4. \$result = mysql_query(\$query,\$db);
5. while(\$i = mysql_fetch_assoc(\$result))
6. echo \$i['Field']." ";

```
?>
```

- A. Đoạn lệnh thông báo lỗi Đoạn
- B. lệnh xuất kết quả null
- C. Đoạn lệnh xuất kết quả là abc def
- D. Đoạn lệnh xuất kết quả là UserName Password



PHẦN BÀI TẬP



Câu 10: Cho cấu trúc và dữ liệu bảng tblAccount thuộc database 'db_php_mysql' như sau

```
CREATE TABLE tblACCOUNT(  
    UserName varchar(50) primary key,  
    Password varchar(50)  
);
```

UserName	Password
abc	12
def	34

Cho biết kết quả của đoạn lệnh sau (giả sử: server chạy ở localhost, user của MySQL là root và không đặt password):

```
<?php
```

```
1. $db = mysql_connect('localhost','root','') or die("Database error");  
2. mysql_select_db('db_php_mysql', $db);  
3. $result = mysql_query('SELECT UserName FROM tblAccount');  
4. if (!$result) {  
5. die('Could not query:') 6.  
    }  
7. echo mysql_result($result, 1);  
8. mysql_close($db);  
?>
```

- A. Đoạn lệnh xuất kết quả là abc Đoạn
- B. lệnh xuất kết quả là 12 Đoạn lệnh
- C. xuất kết quả là def Đoạn lệnh xuất kết
- D. quả là 34